

Số: /2026/QĐ-UBND Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 152/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh áp dụng từ ngày 01/01/2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan có chức năng quản lý đất đai; Văn phòng đăng ký đất đai; cơ quan thuế; người sử dụng đất và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026

Hệ số điều chỉnh giá đất (bao gồm hệ số quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai) đối với các loại đất quy định tại Nghị quyết số 152/2025/NQ-HĐND quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh áp dụng từ ngày 01/01/2026 là: $K=1,0$ (bằng chữ: một).

Điều 4. Quy định chuyển tiếp về giá đất

1. Trường hợp đã phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thì tiếp tục thực hiện theo giá đất đã phê duyệt.

2. Trường hợp trước ngày quyết định này có hiệu lực thi hành mà đang triển khai các bước công việc xác định giá đất cụ thể, Chủ tịch UBND cấp có thẩm quyền quyết định giá đất cụ thể xem xét, quyết định tiếp tục áp dụng xác định giá đất cụ thể theo quy định của Luật Đất đai và Nghị định số 71/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP) hoặc áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình triển khai áp dụng bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất theo Điều 3 Quyết định này mà có biến động về giá đất tại địa phương thì Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính; Trưởng Thuế tỉnh Sơn La; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Vụ pháp chế - Bộ NN&MT;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL;
- Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 6;
- Trung tâm thông tin – Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKT - Thiện 100 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt